

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 25 - 3 - 2024.

*V/v Ly hôn, nuôi con chung, trả nợ
chung.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH BẮC KẠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quang Hòa.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lý Văn Thâm và bà Nông Thị Giáp

- Thư ký phiên tòa: Bà Tạ Huyền Trang, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Bà Triệu Kim Thúy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 75/2023/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2023 về việc tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2024/QĐXX-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 02/2024/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lý Thị Hồng T, sinh năm 19xx, "Có mặt";

Địa chỉ: Tổ nhân dân Đ, thị trấn Y, huyện N tỉnh Bắc Kạn.

- Bị đơn: Anh Đàm Văn P, sinh năm 19xx, "Có mặt".

Địa chỉ: Tổ nhân dân P, thị trấn Y, huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

- Người có quyền lợi liên quan: Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam.

Địa chỉ: Số 02, Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn Vượng, Chức vụ: Tổng giám đốc, "Vắng mặt".

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nông Thị Xoa, chức vụ: Trưởng phòng Kế hoạch kinh doanh Agribank Chi nhánh huyện N, tỉnh Bắc Kạn, theo văn bản ủy quyền lại số 95/QĐ/NHN_o.NR ngày 22/3/2024 của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, Chi nhánh huyện N, tỉnh Bắc Kạn và văn bản ủy quyền số 2665/QĐ/NHN_o.PC ngày 01/12/2022 của Tổng giám đốc Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam "Có mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn, chị Lý Thị Hồng T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh P xây dựng gia đình trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Y, huyện N, tỉnh Bắc Kạn vào năm 2014. Từ

năm 2022, vợ chồng bất đồng về quan điểm sống và chị T đã sống ly thân với anh P. Năm 2022, chị T đã một lần có đơn xin ly hôn, sau đó chị đã xin rút đơn khởi kiện để đoàn tụ và Tòa án nhân dân huyện N đã ban hành Quyết định đình chỉ số: 08/2022/QĐST - HNGĐ ngày 03/6/2022. Mặc dù vậy, trong thời gian sống ly thân từ năm 2022 đến nay thì vợ chồng không còn quan tâm, hỏi thăm, chăm sóc đến nhau nữa. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh P.

- **Về con chung:** Trong hôn nhân vợ chồng có hai con chung và hiện nay các con đang ở với chị; chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con Đàm Lý Đ sinh ngày 07/11/20xx; anh Đàm Văn P được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con Đàm Lý M, sinh ngày 10/8/20xx đến khi đủ 18 tuổi và không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Nghề nghiệp của chị T là viên chức, làm việc tại Trường Mầm non thị trấn Y, huyện N với mức thu nhập bình quân 9.500.000,đ/tháng. Nay tại phiên tòa, chị T nhất trí nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục hai con chung đến khi các con đủ 18 tuổi; anh P phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con Đàm Lý M cho chị Thẩm với mức cấp dưỡng là 2.000.000,đ/tháng; phương thức cấp dưỡng là vào ngày 28 hàng tháng cho đến khi con M đủ 18 tuổi.

+ **Con riêng:** Không có.

- **Về tài sản chung, tài sản riêng:** Không có nên không xem xét giải quyết.

- **Về công nợ chung:** Trong hôn nhân vợ chồng có vay của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, Chi nhánh huyện N hai khoản vay. Cụ thể: Khoản vay thứ nhất vào ngày 09/08/2021 với số tiền 100.000.000 đồng, trong thời hạn vay chị T đã đứng ra trả nợ cho Ngân hàng được 40.000.000đ; tính đến ngày 25/3/2024 dư nợ gốc còn 60.000.000,đ; khoản vay thứ hai là khoản vay thấu chi vào ngày 18/8/2023 với số tiền là 96.000.000 đồng, dư nợ gốc tính đến ngày 25/3/2024 là 96.000.000,đ. Cả hai khoản vay trên chị T đều đưa cho anh P sử dụng và là khoản vay nợ chung, nhưng anh P sử dụng không đúng mục đích. Đối với công nợ chung này, chị T yêu cầu: Chị T và anh P mỗi người chịu trách nhiệm thực hiện $\frac{1}{2}$ nghĩa vụ với Ngân hàng. Cụ thể: Anh P có trách nhiệm trả toàn bộ số nợ gốc còn lại là 60.000.000,đ và lãi phát sinh của 60.000.000,đ của hợp đồng tín dụng số 8603LAV202100918 ngày 09/08/2021 cho Ngân hàng và hoàn trả 40.000.000,đ nợ gốc cho chị T do chị đã trả cho Ngân hàng; còn chị T có nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi phát sinh của hợp đồng tín dụng số 8603LAV202301155 ngày 18/8/2023 cho Ngân hàng. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị T tự nguyện chịu trách nhiệm trả toàn bộ số dư nợ gốc của hợp đồng tín dụng số 8603LAV202100918 ngày 09/08/2021 và số 8603LAV202301155 ngày 18/8/2023 cùng lãi suất phát sinh tương ứng của hai khoản dư nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký với Ngân hàng. Còn số tiền vay tại khoản vay thứ nhất do chị T đã tự nguyện đứng ra chịu trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng thì anh P có nghĩa vụ trả lại cho chị T số tiền 100.000.000,đ. Đối với nghĩa vụ trả số tiền này của anh P cho chị T, thì chị T nhất trí để chị T và anh P tự giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trường hợp anh Phú không thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho chị, thì chị T sẽ yêu cầu Tòa án giải quyết trong một vụ án khác.

2. Theo bản tự khai, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, bị đơn anh Đàm Văn Phú trình bày:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Điều kiện kết hôn giữa anh với chị T; thời gian chị T sống ly thân với anh và việc năm 2022 chị T đã yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn

giữa chị T với anh đúng như chị T đã trình bày. Nay chị T xin ly hôn thì anh không nhất trí vì mong muốn hai con sống chung với nhau có anh, có em và có cha, có mẹ.

- **Về con chung:** Do anh P hiện nay đang làm bảo vệ tại trại lợn thuộc xã P, huyện N, tỉnh Bắc Kạn có mức thu nhập bình quân 4.500.000,đ/tháng. Do vậy, anh P nhất trí với quan điểm trên của chị T về quyền nuôi con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh P nhất trí thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con Đàm Lý M cho chị T với mức cấp dưỡng là 2.000.000,đ/tháng; phương thức cấp dưỡng là vào ngày 28 hàng tháng cho đến khi con M đủ 18 tuổi.

+ **Con riêng:** Không có.

- **Về tài sản chung, tài sản riêng:** Không có nên không xem xét giải quyết.

- **Về công nợ chung:** Nhất trí với quan điểm trên của chị T về hai khoản vay trên của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam là khoản vay nợ chung của vợ chồng và nhất trí với quan điểm giải quyết hai khoản nợ trên cho Ngân hàng của chị T. Anh P cũng nhất trí việc anh P có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho chị T số tiền 100.000.000,đ. Việc anh hoàn trả số tiền 100.000.000,đ cho chị T sẽ do anh P và chị T tự giải quyết.

3. Tại bản tự khai và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam là bà Nông Thị Xoa trình bày:

Khoản vay thứ nhất: Ngày 09/08/2021, chị Lý Thị Hồng T là đại diện hộ gia đình lập phương án vay vốn với số tiền 100.000.000 đồng, mục đích vay vốn xây, sửa nhà ở theo hợp đồng tín dụng số 8603LAV202100918; lãi suất cho vay trong hạn là 10,5%/năm; lãi suất quá hạn là 130%/năm so với lãi suất cho vay trong hạn. Thời hạn cho vay là 60 tháng; ngày trả nợ gốc cuối cùng là ngày 09/8/2026. Dư nợ gốc đến thời điểm ngày 25/3/2024 là 60.000.000 đồng; lãi đã trả đến ngày 25/3/2024 là chưa phát sinh do chị T đã lãi trả đầy đủ hàng tháng.

Khoản vay thứ hai: Ngày 18/8/2023 chị Lý Thị Hồng T đề nghị cấp hạn mức thấu chi với số tiền 98.000.000 đồng thời hạn 12 tháng kể từ ngày 18/08/2023 đến ngày 18/08/2024; lãi suất 7,5%/năm; nguồn trả nợ từ lương hàng tháng của chị Lý Thị Hồng T. Sau khi thẩm định, Ngân hàng và chị T đã ký kết hợp đồng tín dụng số 8603LAV202301155 ngày 18/08/2023, số tiền cho vay 96.000.000 đồng; lãi suất cho vay trong hạn là 7,5%/năm; lãi suất quá hạn là 150%/năm so với lãi suất cho vay trong hạn. Dư nợ gốc đến thời điểm ngày 25/3/2024 là 96.000.000 đồng, chưa tính lãi phát sinh vì lãi thấu chi tính dư nợ phát sinh trong tháng vào ngày cuối tháng.

Hai khoản vay trên của chị T đều là vay qua lương, chị T thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của người vay đối với hai hợp đồng; cả hai hợp đồng vẫn còn trong hạn. Do vậy, ngân hàng yêu cầu chị T có trách nhiệm thực hiện hợp đồng trả nợ gốc và lãi suất phát sinh của hai khoản vay trên cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam qua Agribank chi nhánh huyện N, tỉnh Bắc Kạn theo hợp đồng tín dụng đã ký.

4. Tại đơn trình bày nguyện vọng và biên bản lấy lời khai: Cháu Đàm Lý M, sinh ngày 10/8/2014 trình bày: Trong thời gian ở với cha, mẹ thì cha, mẹ cháu chăm sóc học hành, sinh hoạt cho cháu đầy đủ. Thi thoảng cha có đánh, mắng cháu. Nay cháu có nguyện vọng ở với cha mẹ.

5. Tại biên bản xác minh ngày 01/12/2023, ông Lý Văn S là tổ trưởng tổ nhân dân P nơi anh Phú cư trú và ông Lý Văn H là tổ trưởng tổ nhân dân N nơi chị T cư trú cung cấp thông tin: Trong thời gian các ông làm tổ trưởng tổ nhân dân cho đến nay chưa lần nào nhận được yêu cầu hòa giải mâu thuẫn vợ chồng của chị T, anh P nên không nắm được mâu thuẫn cũng như nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn của vợ chồng họ.

6. Tại biên bản xác minh ngày 11/12/2023, ông Lý Ngọc T1 là người sinh sống gần nhà ở của chị T cung cấp thông tin: Khoảng thời gian chị T, anh P sinh sống tại tổ nhân dân N thì vợ chồng họ thường xuyên cãi nhau, có lúc anh P còn đánh, tát chị T.

Do bị đơn Đàm Văn P không tham gia hòa giải, nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Tòa án nhân dân huyện N quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi liên quan trong quá trình giải quyết vụ án đều chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự;

- Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng các Điều 56, 60, 81, 82, 83, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014; Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, 147, 466 Bộ luật tố tụng Dân sự 2015; khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Cho chị Lý Thị Hồng T được ly hôn với anh Đàm Văn P.

+ Về con chung: Giao con Đàm Lý Đ, sinh ngày 07/11/20xx và Đàm Lý M, sinh ngày 10/8/20xx cho chị T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục hai con chung đến khi các con chung đủ 18 tuổi; anh P phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con Đàm Lý M cho chị T với mức cấp dưỡng là 2.000.000,đ/tháng; phương thức cấp dưỡng là vào ngày 28 hàng tháng cho đến khi con M đủ 18 tuổi.

Sau ly hôn, anh P là người không trực tiếp nuôi con, có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

+ Về tài sản chung, tài sản riêng: Không có nên không xem xét giải quyết.

+ Về nợ chung: Ghi nhận sự tự nguyện thực hiện toàn bộ nghĩa vụ của chị T đối với hai hợp đồng tín dụng đã ký với Ngân hàng. Chị Lý Thị T phải có nghĩa vụ thực hiện toàn bộ dư nợ gốc của hai khoản vay trên và nợ lãi phát sinh tương ứng cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam qua Agribank chi nhánh huyện N, tỉnh Bắc Kạn theo hai hợp đồng tín dụng đã ký.

Đối với nghĩa vụ liên đới của anh Đàm Văn P với chị T: Do chị T và anh P thỏa thuận về việc anh P có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho chị T số tiền 100.000.000,đ đồng và việc anh P có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ hoàn trả số tiền 100.000.000 đồng cho chị Tsẽ do chị T và anh P tự giải quyết và không yêu cầu Tòa án giải quyết là tự nguyện, nên không xem xét giải quyết trong vụ án này. Trường hợp có tranh chấp về nghĩa vụ hoàn trả thì sẽ được giải quyết trong một vụ án khác khi đương sự có yêu cầu.

+ Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng: Chị Lý Thị Hồng T có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn giải quyết vụ án “Ly hôn” với anh Đàm Văn P có địa chỉ nơi ở hiện nay là Tổ nhân dân P, thị trấn Y, huyện N, tỉnh Bắc Kạn và nơi các đương sự thực hiện giao dịch tín dụng với Ngân hàng được thực hiện tại huyện N, nên vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện N theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

[2.1] Về Quan hệ hôn nhân: Chị Lý Thị Hồng T và anh Đàm Văn P kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Y, huyện N, tỉnh Bắc Kạn vào ngày 05/6/2014 có sổ vào sổ số 13. Trong hôn nhân, vợ chồng thường phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, nên từ năm 2022 đến nay chị T đã sống ly thân với anh P tại nhà cha mẹ đẻ của chị T. Năm 2022 chị T đã có lần yêu cầu Tòa án nhân dân huyện N giải quyết yêu cầu xin ly hôn, nhưng chị T đã tạo điều kiện cho anh P khắc phục những bất đồng về quan điểm, nên đã rút yêu cầu khởi kiện sau khi tòa án tiến hành hòa giải và Tòa án nhân dân huyện N đã ban hành Quyết định đình chỉ số 08/2022/QĐST - HNGĐ ngày 03/6/2022. Tuy nhiên, trong thời gian sống ly thân từ năm 2022 cho đến nay, hai vợ chồng vẫn không quan tâm, hỏi thăm, chăm sóc đến nhau. Mặc dù vậy, Tòa án đã tiến hành hòa giải để chị T, anh P đoàn tụ nhưng anh P không tham gia phiên hòa giải và chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Trên cơ sở đó xét thấy: Quan hệ hôn nhân giữa chị Lý Thị Hồng T với anh Đàm Văn P là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Trong hôn nhân vợ, chồng không thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau như người nào chỉ biết bận rộn người đó, bỏ mặc người vợ hoặc người chồng muốn sống ra sao thì sống làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nên yêu cầu xin ly hôn của chị T với anh P là có căn cứ theo quy định tại 56 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014 cần được chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Trong hôn nhân, chị T và anh P có hai con chung là con Đàm Lý Đ, sinh ngày 07/11/20xx và Đàm Lý M, sinh ngày 10/8/20xx và đang sinh sống cùng với chị T. Hiện tại chị T là viên chức Nhà nước có mức thu nhập ổn định với mức thu nhập bình quân là 9.500.000,đ/tháng, nên tại phiên tòa chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị T được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con Đàm Lý Đ và con Đàm Lý M đến khi các con đủ 18 tuổi và yêu cầu anh P phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con Đàm Lý M cho chị với mức cấp dưỡng là 2.000.000,đ/tháng; phương thức cấp dưỡng là vào ngày 28 hàng tháng cho đến khi con M đủ 18 tuổi. Bản thân anh P không nhất trí ly hôn, nhưng với mức thu nhập bình quân là 4.500.000,đ/tháng, nên nhất trí giao hai con chung cho chị T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và nhất trí cấp dưỡng nuôi con chung là Đàm Lý M cho chị T với mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng như chị T đề nghị. Do vậy, đảm bảo quyền và lợi ích cho các con chưa thành niên và xét việc thỏa thuận của chị T, anh P về nuôi con chung, về mức cấp dưỡng nuôi con chung, phương thức cấp dưỡng nuôi con chung của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm

của pháp luật và đạo đức xã hội nên cần giao con Đàm Lý Đ và Đàm Lý M cho chị T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục hai con chung đến khi các con chung đủ 18 tuổi; anh P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con Đàm Lý M cho chị T với mức cấp dưỡng là 2.000.000đ/tháng; phương thức cấp dưỡng là vào ngày 28 hàng tháng cho đến khi con Minh đủ 18 tuổi là phù hợp.

Sau ly hôn, anh P là người không trực tiếp nuôi con, có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Con riêng không có nên không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, công nợ chung:

- **Về tài sản chung, tài sản riêng:** Không có, nên không xem xét giải quyết.

- **Về nợ chung:**

+ Căn cứ vào Hợp đồng tín dụng số 8603LAV202100918, ngày 09/08/2021 có thời hạn của hạn mức tín dụng là 60 tháng; giấy đề nghị kiểm phương án vay vốn ngày 09/8/2021 đã được phê duyệt ngày 09/8/2021, thì chị T là người đại diện hộ gia đình đứng tên vay số tiền là 100.000.000,đ; lãi suất cho vay trong hạn là 10,5%/năm; lãi suất quá hạn là 130%/năm so với lãi suất cho vay trong hạn. Thời hạn cho vay là 60 tháng; ngày trả nợ gốc cuối cùng là ngày 09/8/2026. Dư nợ gốc đến thời điểm ngày mở phiên tòa (Ngày 25/3/2024) là 60.000.000,đ; tính đến ngày 25/3/2024, lãi chưa phát sinh do chị T đã lãi trả đầy đủ hàng tháng

+ Căn cứ vào Hợp đồng tín dụng số 8603LAV202301155 ngày 18/08/2023 có thời hạn của hạn mức thấu chi là 12 tháng tính từ ngày 18/8/2023; đơn đề nghị cấp hạn mức thấu chi, thì chị T là người đứng tên vay thấu chi số tiền là 96.000.000,đ, lãi suất 7,5%/năm; lãi suất quá hạn là 150%/năm so với lãi suất cho vay trong hạn; nguồn trả nợ từ lương hàng tháng của chị Lý Thị Hồng T. Dư nợ gốc đến thời điểm ngày mở phiên tòa (Ngày 25/3/2024) là 96.000.000,đ, chưa tính lãi phát sinh vì lãi thấu chi tính dư nợ phát sinh trong tháng vào ngày cuối tháng.

Đối với các khoản trên, được chị T, anh P vay trong thời kỳ hôn nhân nên được xác định là khoản vay chung của chị T và anh Đàm Văn P với Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam nên chị T và anh P có nghĩa vụ ngang nhau đối với khoản dư nợ gốc và tiền lãi phát sinh. Cả hai khoản vay trên vẫn còn trong hạn. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, chị T tự nguyện chịu trách nhiệm trả toàn bộ các khoản vay trên cho Ngân hàng và phù hợp với quan điểm của Ngân hàng và anh P nhất trí. Do vậy, Hội đồng xét xử nhận định: Cần ghi nhận sự tự nguyện thực hiện toàn bộ nghĩa vụ của chị T đối với hai hợp đồng tín dụng đã ký với Ngân hàng; chị Lý Thị Hồng T phải thực hiện toàn bộ nghĩa vụ đối với hai hợp đồng tín dụng đã ký với Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam qua Agribank chi nhánh huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

Đối với nghĩa vụ liên đới của anh Đàm Văn P với chị T: Do chị T và anh P thỏa thuận về việc anh P có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho chị T số tiền 100.000.000,đ đồng và chị T đã tự nguyện chịu trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ đối với Hợp đồng tín dụng số 8603LAV202100918, ngày 09/08/2021 thay cho anh P và việc anh P có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ hoàn trả số tiền 100.000.000,đ cho chị T sẽ do chị T và anh P tự giải quyết

và không yêu cầu Tòa án giải quyết là tự nguyện nên không xem xét giải quyết trong vụ án này. Trường hợp có tranh chấp về nghĩa vụ hoàn trả tiền thì sẽ được giải quyết trong một vụ án khác khi đương sự có yêu cầu.

[3] Về án phí: Chị Lý Thị Hồng T phải chịu toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm, anh Đàm Văn P phải chịu tiền án phí cấp dưỡng sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Do người có quyền lợi liên quan là Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam không có yêu cầu độc lập, nên chị T là người có nghĩa vụ đối với người có quyền lợi liên quan không có yêu cầu độc lập không phải chịu tiền án phí đối với phần nghĩa vụ họ phải thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[5] Quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện N tại phiên tòa là phù hợp và có căn cứ theo quy định của pháp luật.

Vì các lý trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51; khoản 1 Điều 53; các Điều 56, 57, 60, 81, 82, 83, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 271, 272, 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự 2015;

Căn cứ Điều 466 của Bộ luật dân sự 2015.

Căn cứ khoản 1 Điều 24; khoản 6 Điều 26; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn; nuôi con chung; trả nợ chung của chị Lý Thị Hồng T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Lý Thị Hồng T được ly hôn với anh Đàm Văn P.

Quan hệ hôn nhân giữa các đương sự chấm dứt kể từ ngày bản án ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Giao con chung Đàm Lý Đ, sinh ngày 07/11/20xx và con Đàm Lý M, sinh ngày 10/8/20xx cho chị T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục hai con chung đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Sau ly hôn, anh P là người không trực tiếp nuôi con, có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng: Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Anh Đàm Văn P phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con Đàm Lý M cho chị T với mức cấp dưỡng là 2.000.000 (Hai triệu) đồng/tháng cho đến khi con M đủ 18 tuổi; phương thức cấp dưỡng là vào ngày 28 hàng tháng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, các khoản tiền còn phải thi hành án trên được thực hiện theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự 2015.

- Con riêng: Không có nên không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung:

- **Tài sản chung, tài sản riêng:** Không có nên không xem xét giải quyết.

- **Về Công nợ chung:** Ghi nhận sự tự nguyện thực hiện toàn bộ nghĩa vụ của chị Lý Thị Hồng T đối với hai hợp đồng tín dụng đã ký với Ngân hàng. Chị T phải thực hiện toàn bộ nghĩa vụ đối với dư nợ gốc 60.000.000 (Sáu mươi triệu) đồng của Hợp đồng tín dụng số 8603LAV202100918, ngày 09/08/2021 và 96.000.000 (Chín mươi sáu triệu) đồng của Hợp đồng tín dụng số 8603LAV202301155 ngày 18/08/2023 cùng lãi phát sinh tương ứng cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam qua Chi nhánh Agibank Na Rì, tỉnh Bắc Kạn theo hợp đồng tín dụng đã ký.


Đối với nghĩa vụ liên đới của anh Đàm Văn P với chị T: Do chị T và anh P đã tự nguyện thỏa thuận về việc anh P có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho chị T số tiền 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không được xem xét giải quyết trong vụ án này. Trường hợp có tranh chấp về nghĩa vụ hoàn trả tiền thì sẽ được giải quyết trong một vụ án khác khi đương sự có yêu cầu.

4. Về án phí: Chị Lý Thị Hồng T phải chịu 300.000,^d(Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000,^d (Ba trăm nghìn đồng) chị T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000556, ngày 13/10/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Xác nhận chị T đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Chị T không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với nghĩa vụ trả tiền cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam. Anh Đàm Văn P phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí cấp dưỡng sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án;

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự; người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các Đương Sự;
- VKS nhân dân huyện, tỉnh;
- TAND tỉnh Bắc Kạn;
- THADS;
- UBND TT Y;
- Lưu HSYA, VP. 

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)
TRẦN QUANG HÒA**

